

Bản án số: 99/2022/HS-ST  
Ngày: 23 - 9 - 2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chiều

Ông Tạ Văn Nhật

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Tuân- Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn M Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2022/TLST- HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 9 năm 2022, đối với:

- **Bị cáo:** Trần Ngọc H, sinh năm 1972 tại huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; ĐKKHKT: Cụm 7, xã TA, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số 24 đường Trung tâm, xã TA, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang M và bà Trần Thị Th; có vợ và có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1993, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 05 năm về tội Tàng trữ, mua bán các chất ma túy và tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, tội cố ý gây thương tích; danh bản, chỉ bản số 196 do Công an huyện ĐP lập ngày 06/6/2022; tạm giữ, tạm giam: từ ngày 13/6/2022 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn 5, xã VN, huyện PT, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án:** Chị Trần Thị H1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 21 đường AC, phường QA, quận TH, Thành phố Hà Nội; có mặt.

Anh Trần Đình Đ, sinh năm 1957; nơi cư trú: Cụm 10, xã TX, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Bùi Ngọc L, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn 5, xã VN, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Anh Nguyễn Bắc Th, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn PC, xã XD, huyện PT, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Anh Nguyễn Bắc X, sinh năm 1978; Thôn PC, xã XD, huyện PT, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị H1 có chồng là Trần Đức H2 bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện HD, Thành phố Hà Nội khởi tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là tạm giam. Do quen biết với Trần Ngọc L là người cùng thôn nên chị H1 được anh L giới thiệu với Trần Ngọc H để nhờ Hà xin giảm án cho chồng. Khoảng 12 giờ ngày 14/3/2021, chị H1 cùng với em trai là Nguyễn Bắc Th và anh họ là Nguyễn Bắc X đi đến khu vực ngã tư chợ Cầu, xã TA, huyện ĐP. Tại đây chị H1 gọi điện cho Bùi Ngọc L để L đưa mọi người vào nhà Trần Ngọc H. Trong quá trình nói chuyện, H nói với chị H1 và mọi người là có quen biết với nhiều người có chức vụ cao và H đã từng xin giúp đỡ được cho một số người. H nói nếu không xin thì chồng H1 có thể bị xử 21 năm tù nhưng nếu H nhờ quan hệ xin giúp cho thì chỉ bị xử từ 8 đến 10 năm tù nên chị H1 tin tưởng và nhờ Hà xin giảm án cho chồng. H đồng ý nhận xin giảm án cho chồng H1 với số tiền 300 triệu đồng, H yêu cầu chị H1 đưa trước cho H 50 triệu đồng để H đi quan hệ công việc, khi nào Tòa xử xong thì đưa nốt cho H số tiền 250 triệu. Để chị H1 tin tưởng, H viết một giấy nhận tiền với nội dung H vay của chị H1 50 triệu đồng đưa cho chị H1 giữ. Khoảng một tuần sau khi nhận 50 triệu, H tiếp tục gọi điện cho chị H1 bảo phải đưa thêm cho H 100 triệu để đi lo việc xin giảm án cho chồng H1 nhưng chị H1 nói không vay được tiền, bảo H cứ làm theo thỏa thuận ban đầu, khi nào Tòa xử xong chồng của H1 thì H1 sẽ đưa nốt số tiền 250 triệu còn lại. H nói với chị H1 là nếu không đưa thêm thì H sẽ không lo việc giúp cho chồng H1 nữa. Chị H1 yêu cầu H nếu không lo được thì trả lại chị số tiền 50 triệu đã đưa trước đó nhưng H không trả lại và bảo chị H1 đừng gọi cho H nữa. Chị H1 liên hệ với H nhiều lần không được nên đã đến Công an huyện ĐP trình báo và giao nộp một chiếc USB Toshiba màu bạc, loại dung lượng 8GB có nội dung lưu trữ 03 tệp file ghi âm các cuộc hội thoại giữa Trần Ngọc H và chị Nguyễn Thị H1; một tờ giấy biên nhận vay tiền có chữ ký, chữ viết của Trần Ngọc H.

Tại cơ quan điều tra, ban đầu Trần Ngọc H không thừa nhận số tiền 50 triệu đồng chị H1 đưa cho H là do H nói sẽ lo được việc cho chồng của H1 mà là tiền chị H1 cho H vay để lo việc cá nhân. Qua đấu tranh khai thác, H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. H khai, H quen biết với Trần Ngọc L do L là bạn của em trai H. H không biết tại sao L lại cho rằng H có thể chạy giảm án cho người khác. Khi L đưa chị H1 đến gặp, H biết mong muốn của chị H1 nên mặc dù H không quen biết ai có chức vụ cao, bản thân H cũng không có khả năng gì để đáp ứng mong muốn của chị H1 nhưng H vẫn đưa ra các thông tin không có thật về mình để chị H1 tin tưởng đưa cho

mình số tiền 50 triệu đồng. Đề chị H1 không nghi ngờ lời nói của mình, H đã đồng ý viết giấy nhận tiền của chị H1 nhưng với nội dung vay. Sau khi nhận tiền của chị H1, H đã chi tiêu cho mục đích cá nhân hết.

Cơ quan điều tra Công an huyện ĐP đã xác minh làm rõ được ngày 22/12/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện HĐ ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Mua bán trái phép chất ma túy” xảy ra ngày 16/12/2020 tại thị trấn Trầm Trôi, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Ngày 25/12/2020, CQCSĐT Công an huyện HĐ ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh tạm giam đối với Trần Đức H2, sinh năm 1967, là chồng của Nguyễn Thị H1.

Tại Bản kết luận giám định số 7014/KLGD- PC09- DD ngày 30/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận: “Chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Ngọc H trên mẫu cần giám định với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Ngọc H trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra”.

Tại bản kết luận giám định số 6539/C09- P6, ngày 28/10/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp ghi âm mẫu cần giám định và mẫu so sánh. Tiếng nói của người đàn ông trong các tệp ghi âm cần giám định ( được ký hiệu là “H” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của ông Trần Ngọc H trong mẫu so sánh là của cùng một người”.

Bản Cáo trạng số 89/CT- VKS- ĐP ngày 30 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội truy tố Trần Ngọc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã khai trong quá trình điều tra và nội dung cáo trạng truy tố bị cáo. Bị cáo khai bị cáo không có ý định lừa đảo chị H1 từ trước. Khi chị H1 tự tìm đến gặp bị cáo, thấy chị H1 rất lo lắng cho chồng và sẵn sàng bỏ tiền ra để đạt được mong muốn nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị H1 để chi tiêu cá nhân. Vì vậy, bị cáo đã đưa ra những thông tin không đúng và những lời hứa hẹn để chị H1 đưa tiền cho mình. Ban đầu, tại cơ quan điều tra bị cáo sợ hãi nên bị cáo không dám thừa nhận việc làm của mình nhưng sau đó bị cáo nhận thức được hành vi của mình rõ ràng trái pháp luật nên bị cáo nhận tội để mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo cũng đã nhờ người nhà thay bị cáo bồi thường trả cho chị H1 số tiền bị cáo nhận của chị H1 để khắc phục hậu quả. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, chị Trần Thị H1 khai: Bị cáo H là anh trai của chị. Do bị cáo không có tiền để trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 nên bị cáo đã nhờ chị bồi thường giúp và chị đã trả cho chị Nguyễn Thị H1 50 triệu đồng mà bị cáo H đã nhận. Chị không yêu cầu bị cáo phải trả lại chị số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 tháng tù đến

23 tháng tù. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng, hồng, số imei 357224077308117 của Trần Ngọc H. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP đã thực hiện việc thu thập tài liệu, chứng cứ đúng trình tự tố tụng, nội dung và các căn cứ để ban hành các văn bản và quyết định tố tụng đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, các kết luận giám định, lời khai người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trần Ngọc H là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định. Trần Ngọc H quen biết chị Nguyễn Thị H1 qua sự giới thiệu của Trần Ngọc L và biết chị Nguyễn Thị H1 có chồng đang bị tạm giam về hành vi vi phạm pháp luật. Thấy chị H1 rất lo lắng cho chồng mình có mong muốn tìm người xin giảm án cho chồng nên Trần Ngọc H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị H1 để chi tiêu cho mục đích cá nhân. Khoảng hơn 12 giờ ngày 14/3/2021, tại nhà của Trần Ngọc H ở số 24 đường Trung tâm, xã TA, huyện ĐP, thành phố Hà Nội, Trần Ngọc H đã nói với chị H1 là bị cáo quen biết nhiều người có chức vụ cao nên có thể xin giảm án cho chồng chị H1 từ mức 21 năm xuống 8 đến 10 năm tù với số tiền 300 triệu đồng. H yêu cầu chị H1 đưa cho H 50 triệu đồng để đi gặp gỡ người có chức vụ nhờ xin giúp, khi xong việc mới phải đưa 250 triệu đồng còn lại. Để chị H1 không nghi ngờ, bị cáo đã đồng ý viết một giấy nhận tiền với nội dung vay 50 triệu đồng của chị H1. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 50 triệu đồng của chị H1 bị cáo đã chi tiêu vào mục đích cá nhân hết. Khoảng 1 tuần sau, bị cáo lại tiếp tục gọi điện cho chị H1 yêu cầu chị H1 phải đưa thêm cho bị cáo số tiền 100 triệu đồng để bị cáo đi lo việc xin giảm án cho chồng chị H1 nhưng chị H1 không có tiền đưa nên bị cáo nói không trả lại cho chị H1 số tiền 50 triệu đồng và cắt đứt liên lạc.

[3] Hành vi của bị cáo lợi dụng tâm lý lo lắng của chị H1 đối với người thân để đưa ra những thông tin không có thật về bị cáo và hứa hẹn làm những việc mà bị cáo không thể thực hiện được để cho chị H1 tin tưởng và tự nguyện đưa cho bị cáo số tiền 50 triệu đồng sau đó bị cáo chiếm đoạt và chi tiêu cho mục đích cá nhân như nêu trên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, qui định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được Nhà nước bảo vệ, làm giảm uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng, gây tâm lý hoang mang trong dư luận. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xét xử và cho hưởng án treo nhưng bị cáo không lấy

đó làm bài học để cảnh tỉnh bản thân. Do đó, cần phải áp dụng đối với bị cáo một hình phạt nghiêm, cách L bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe tội phạm nói chung.

[5] Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động để người thân của bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ bị cáo là người bị khuyết tật nặng về trí tuệ; bản thân bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội và được khen thưởng; bố, mẹ đẻ là những người có công với cách mạng được nhà nước tặng Huân, huy chương. Xét thấy số tiền bị cáo chiếm đoạt không lớn theo quy định của khung hình phạt, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử cân nhắc phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định, không có điều kiện kinh tế để thi hành án nên Hội đồng xét xử không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị H1 là em gái của bị cáo đã thay bị cáo trả lại số tiền 50 triệu đồng cho chị Nguyễn Thị H1. Chị Nguyễn Thị H1 và chị Trần Thị H1 không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Một giấy biên nhận vay tiền; một USB Toshiba màu bạc dung lượng 8GB bên trong lưu trữ 03 tệp file ghi âm các đoạn hội thoại giữa Trần Ngọc H và Nguyễn Thị H1, một USB Kingston Data Traveler lưu trữ mẫu giọng nói của Trần Ngọc H là tài liệu đọc được, nghe được là chứng cứ buộc tội bị cáo sẽ được lưu trong hồ sơ vụ án.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ- đen- bạc biển số 29D1- 182.16 và giấy chứng nhận đăng ký xe; một chiếc điện thoại di động Samsung màu vàng, hồng có lắp sim thu được khi bắt giữ bị cáo. Xe là của anh Trần Đình Đ, không liên quan đến việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đ là đúng. Chiếc điện thoại là của bị cáo khai sử dụng vào việc phạm tội nên sẽ bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Đối với Trần Ngọc L là người giới thiệu và đưa chị Nguyễn Thị H1 đến nhà của Trần Ngọc H, L có chứng kiến việc H và chị H1 thỏa thuận giao tiền nhưng L không biết H lừa dối chị H1 để chiếm đoạt tiền nên L không phạm tội, Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc H 18 (mười tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 13/6/2022.

- Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng, hồng, số imei 357224077308117 trong máy có lắp một thẻ sim (Vật chứng hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2022 giữa Công an huyện ĐP với Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội).

- Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

### **Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP;
- CQTHAHS huyện ĐP;
- CCTHADS huyện ĐP;
- Bị cáo; bị hại, NLQ.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hà**







